

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS - ST

Ngày: 23 - 5 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG - TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.
2. Ông Đàm Văn Kiều.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST - TCDS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST - TCDS ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Đại B – Sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Đội X, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đại B là anh Trần Văn D, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Đội X, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

*** Bị đơn:** Ông Lương Văn A – Sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Đ – Sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Đội 2, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Lương Thị T – Sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Đội X, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định;

Đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị T là anh Trần Văn D, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Đội X, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh D, ông A và bà Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên ông Trần Đại B là anh Trần Văn D trình bày: Anh là con trai của ông Trần Đại B và bà Lương Thị T. Ông Trần Đại B và bà Lương Thị T và vợ chồng anh Lương Văn A chị Nguyễn Thị Đ có quan hệ họ hàng với nhau. Trên mối quan hệ họ hàng với nhau nên ông B và Thúy đã cho vợ chồng ông A bà Đ vay số tiền như sau:

- Ngày 20/11/2021 (âm lịch) vợ chồng ông Lương Văn A bà Nguyễn Thị Đ hỏi vay ông B bà T số tiền là 570.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*) để làm ăn kinh tế. Sau đó ông B bà T đã cho vợ chồng ông A chị Đ vay số tiền trên. Khi vay hai bên đã viết giấy vay tiền với nhau và thỏa thuận lãi suất là 1,7%/tháng tính từ ngày 21/11/2021 và hai bên thỏa thuận miệng với nhau là khi nào ông B bà T lấy lại số tiền gốc thì báo trước một tuần.

- Ngày 29/6/2022 (âm lịch) vợ chồng ông Lương Văn A bà Nguyễn Thị Đ hỏi vay ông B bà T số tiền là 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) để làm ăn. Sau đó ông B bà T đã cho vợ chồng ông A chị Đ vay số tiền trên. Khi vay hai bên đã viết giấy vay tiền với nhau và thỏa thuận lãi suất là 1,7%/tháng tính từ ngày 29/6/2022 và hai bên thỏa thuận miệng với nhau là khi nào ông B bà T lấy lại số tiền gốc thì báo trước một tuần.

- Ngày 06/9/2022 (âm lịch) vợ chồng ông Lương Văn A bà Nguyễn Thị Đ hỏi vay ông B bà T hai lần với số tiền 120.000.000 đồng để làm ăn, cụ thể lần một: số tiền là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) Khi nhận tiền hai bên đã viết giấy vay tiền với nhau và thỏa thuận lãi suất là 1,7%/tháng tính từ ngày 06/9/2022 và hai bên thỏa thuận miệng với nhau là khi nào ông B bà T lấy lại số tiền gốc thì báo trước một tuần; lần hai số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) để làm ăn. Khi vay hai bên đã viết giấy vay tiền với nhau và thỏa thuận miệng với nhau là khi nào ông B bà T lấy lại số tiền gốc thì báo trước một tuần.

Tổng số tiền ông B bà T cho vợ chồng ông Lương Văn A bà Nguyễn Thị Đ vay là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*). Đây là số tiền chung của vợ chồng ông B bà T. Tại các giấy vay không ghi thời gian thanh toán nợ. Ông Lương Văn A bà Nguyễn Thị Đ đã trả lãi cho ông B bà T đến tháng 11/2022 sau đó ông A bà Đ không thanh toán lãi cho ông B bà T nữa. Đến tháng 12/2022 ông B bà T đã yêu cầu ông Lương Văn A bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho ông B bà T là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*) nhưng ông A bà Đ xin khát

khi nào có thì trả. Sau đó ông B bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông A bà Đ thanh toán số tiền đã vay cho ông B bà T nhưng ông A bà Đ không thanh toán cho ông B bà T một khoản tiền nào khác. Nay ông B bà T đề nghị với Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc đã vay cho vợ chồng ông B bà T ông B bà T là: 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Về hình thức thanh toán: Anh Trần Văn D yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán toàn bộ số gốc cho ông B bà T theo quy định.

Lời khai của anh Lương Văn A và chị Nguyễn Thị Đ tại các buổi làm việc với toà án cũng như tại phiên tòa trình bày: Vợ chồng anh chị và vợ chồng và ông Trần Đại B bà Lương Thị T có quan hệ họ hàng với nhau. Trong quá trình làm ăn kinh tế thì vợ chồng anh chị có vay của vợ chồng ông Trần Đại B bà Lương Thị T số tiền là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*) cụ thể như anh D đã trình bày. Sau khi vay mượn vợ chồng tôi đã thanh toán hết tiền lãi cho vợ chồng anh Binh chị Thúy đến tháng 11/2022 âm lịch. Sau đó vợ chồng tôi làm ăn khó khăn xảy ra vỡ nợ nên không có khả năng thanh toán tiếp tiền lãi và gốc cho vợ chồng anh Binh chị Thúy. Nay vợ chồng anh Binh chị Thúy yêu cầu vợ chồng anh chị phải thanh toán số tiền gốc đã vay là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi thì vợ chồng anh chị xác định có vay của vợ chồng anh Binh chị Thúy số tiền là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*).

Về hình thức thanh toán: Ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ xác định do làm ăn khó khăn nên ông bà xin để bán đất rồi thanh toán số nợ cho ông B bà T.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị T là anh Trần Văn D có quan điểm như anh đã trình bày cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại B: Buộc vợ chồng ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Trần Đại B bà Lương Thị T số tiền gốc đã vay là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*). Về án phí: Buộc ông A, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí ông Trần Đại B đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn A, chị Nguyễn Thị Đ đăng kí hộ khẩu thường trú tại và cư trú tại xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Nay ông Trần Đại B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp vay tài sản đối với anh Lương Văn A, chị Nguyễn Thị Đ và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của các bên đương sự có đủ cơ sở khẳng định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 04 bản gốc “Hợp đồng vay tiền” ngày 20/11/2021 (âm lịch); ngày 29/6/2022 (âm lịch); ngày 06/9/2022 (âm lịch) hai lần có nội dung ông Trần Đại B bà Lương Thị T có cho ông bà Lương Văn A và Nguyễn Thị Đ vay tiền có lãi, không có thời hạn. Ông A bà Đ cũng thừa nhận các giấy vay nợ trên. Như vậy xác định quan hệ tranh chấp này là hợp đồng vay tài sản có lãi, không có thời hạn .

[2.2] Về số tiền vay:

Căn cứ 04 bản gốc “Hợp đồng vay tiền” ngày 20/11/2021 (âm lịch); ngày 29/6/2022 (âm lịch); ngày 06/9/2022 (âm lịch) hai lần, có nội dung ông Trần Đại B bà Lương Thị T có cho ông bà Lương Văn A và Nguyễn Thị Đ vay tiền. Tổng bốn lần vay tiền theo bốn hợp đồng vay tiền là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*). Tại bốn hợp đồng vay tiền đều xác định lãi suất là 1,7%/tháng nhưng không ghi thời hạn trả nợ; có chữ ký, chữ viết của người vay là ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều thống nhất xác định ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ đã vay của vợ chồng ông Trần Đại B và bà Lương Thị T số tiền 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*) là có thật.

Đến tháng 12/2022 thì ông B bà T yêu cầu vợ chồng ông A bà Đ thanh toán số tiền đã vay, nhưng ông A bà Đ không thanh toán cho ông B bà T. Sau đó ông B bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông A bà Đ phải thanh toán số tiền gốc đã vay cho vợ chồng ông bà nhưng ông A bà Đ vẫn không thanh toán cho vợ chồng ông B bà T một khoản tiền nào. Nay ông Trần Đại B bà Lương Thị T yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc đã vay cho vợ chồng ông bà là: 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*). Đại diện Viện kiểm sát

nhân dân huyện Nghĩa Hưng có quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại B về việc yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán số nợ gốc cho vợ chồng ông B bà T là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*).

[2.3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trần Đại B và bà Lương Thị T không yêu cầu tính lãi suất, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Trần Đại B số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại B, cụ thể: Buộc vợ chồng ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho vợ chồng ông Trần Đại B và bà Lương Thị T số tiền nợ gốc đã vay là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Đại B và bà Lương Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lương Văn A và chị Nguyễn Thị Đ chưa thi hành thì phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lương Văn A và bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 37.800.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

Ông Trần Đại B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Trần Đại B số tiền tạm ứng án phí 19.000.000 đồng đã nộp là theo biên lai số 0000906 ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng

Án xử công khai, có mặt anh D, ông A và bà Đ. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án là nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và người phải thi hành án là bị đơn có quyền thử a thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Nghĩa Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Chung